

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

N.S.D.N

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 29

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Viết Muôn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Trà My	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Bà Nguyễn Thị Trà My được Ông Nguyễn Duy Hưng ủy quyền ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		10.653.725.244.970	6.845.160.217.351
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	64.596.727.084	80.413.241.897
111	1. Tiền		56.596.727.084	80.413.241.897
112	2. Các khoản tương đương tiền		8.000.000.000	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		10.570.000.000.000	6.670.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5	10.570.000.000.000	6.670.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.290.710.907	90.627.310.548
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	17.740.807.833	17.740.807.833
132	2. Trả trước cho người bán		446.808.107	374.682.516
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7		77.500.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	14.843.902.800	12.752.628.032
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(17.740.807.833)	(17.740.807.833)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.837.806.979	4.119.664.906
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	308.676.936	590.222.863
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		290.093.991	290.405.991
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	3.239.036.052	3.239.036.052
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.585.582.394.466	4.582.596.756.498
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	8	10.000.000	10.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		10.000.000	10.000.000
220	II. Tài sản cố định	11	9.893.394.951	10.546.012.821
221	1. Tài sản cố định hữu hình		9.893.394.951	10.546.012.821
222	Nguyên giá		13.938.574.220	13.938.574.220
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(4.045.179.269)	(3.392.561.399)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn		4.575.501.955.526	4.571.863.134.450
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	4.601.330.644.264	4.601.330.644.264
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(25.828.688.738)	(29.467.509.814)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		177.043.989	177.609.227
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	177.043.989	177.609.227
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		15.239.307.639.436	11.427.756.973.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024

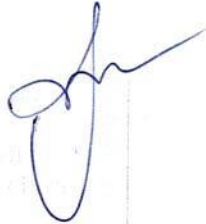
VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.160.449.923.188	8.295.060.127.029
310	I. Nợ ngắn hạn		12.160.449.923.188	8.295.060.127.029
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	271.099.122	728.839.606
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		208.308.899	208.308.899
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	91.119.498	382.680.681
314	4. Phải trả người lao động		-	1.500.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	11.743.525.696	5.011.762.548
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	207.643.976.995	106.470.256.691
320	7. Vay ngắn hạn	17	11.924.040.000.000	8.166.464.657.534
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		9.769.755.760	9.769.755.760
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.682.137.218	6.022.365.310
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.078.857.716.248	3.132.696.846.820
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	3.078.857.716.248	3.132.696.846.820
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		904.770.143.351	904.770.143.351
415	3. Cổ phiếu quỹ		(167.188.836.328)	(167.188.836.328)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		11.513.798.268	11.513.798.268
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		166.816.810.957	220.655.941.529
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		111.208.566.529	58.629.870.136
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		55.608.244.428	162.026.071.393
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		15.239.307.639.436	11.427.756.973.849

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Trần Thị Trang

Văn Thị Ngọc Ánh

Nguyễn Thị Trà My

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 2/2024	Quý 2/2023	Năm 2024	Năm 2023
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	19	113.217.692.667	206.904.604.898	226.955.065.145	334.871.855.625
22	2. Chi phí tài chính	20	(74.662.117.143)	(91.734.871.667)	(155.830.394.834)	(190.243.143.861)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(70.163.821.157)	(91.314.487.223)	(151.483.639.951)	(181.037.637.197)
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(8.785.753.059)	(9.163.534.435)	(15.518.186.430)	(15.140.799.270)
30	4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		29.769.822.465	106.006.198.796	55.606.483.881	129.487.912.494
31	5. Thu nhập khác		1.000.000	-	1.760.547	186.054.834
32	6. Chi phí khác		-	(263.285.262)	-	(263.285.262)
40	7. Lợi nhuận (lỗ) khác		1.000.000	(263.285.262)	1.760.547	(77.230.428)
50	8. Lợi nhuận trước thuế		29.770.822.465	105.742.913.534	55.608.244.428	129.410.682.066
51	9. Thu nhập thuế TNDN hiện hành	23	-	-	-	-
60	10. Lợi nhuận sau thuế TNDN		29.770.822.465	105.742.913.534	55.608.244.428	129.410.682.066

Người lập biểu

Trần Thị Trang

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng

Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Trà My

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		55.608.244.428	129.410.682.066
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11	652.617.870	727.084.749
03	Dự phòng		(3.638.821.076)	1.218.959.728
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái		120.000.000	7.881.700.823
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(198.954.529.697)	(334.793.742.886)
06	Chi phí lãi vay	20	151.483.639.951	181.037.637.197
08	Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.271.151.476	(14.517.678.323)
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		77.434.514.489	(349.390.926)
11	Giảm các khoản phải trả		(1.564.055.367)	(11.493.721.918)
12	Giảm chi phí trả trước		282.111.165	153.901.320
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(3.900.000.000.000)	(4.469.999.988.857)
14	Tiền lãi vay đã trả		(149.212.277.799)	(154.208.740.196)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.340.228.092)	(1.035.271.628)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(3.970.128.784.128)	(4.651.450.890.528)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	647.272.727
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(70.000.000.000)	(198.000.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		70.000.000.000	639.300.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		196.856.926.849	300.469.017.977
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		196.856.926.849	742.416.290.704
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		10.495.080.000.000	6.127.146.095.890
34	Tiền trả nợ gốc vay		(6.737.624.657.534)	(2.452.240.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.757.455.342.466	3.674.906.095.890

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(15.816.514.813)	(234.128.503.934)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		80.413.241.897	236.975.923.151
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.915.362
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	64.596.727.084	2.853.334.579

Người lập biểu



Trần Thị Trang

Ngày 25 tháng 7 năm 2024

Kế toán trưởng



Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trà My

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0301472704 do Sở Kế hoạch Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31 tháng 8 năm 2005 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Giấy phép số 244/2010/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 18 tháng 11 năm 2010.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động nông nghiệp, thực phẩm và các hoạt động khác có liên quan, thực hiện các hoạt động đầu tư tài chính và các dịch vụ liên quan khác.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có Chi nhánh tại tầng 15, tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 19 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 18).

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 09 công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12 của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Công ty là công ty mẹ của các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12 và Công ty đang trong quá trình hoàn thành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành.

Người sử dụng nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Khác	5 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ giữa niên độ.

3.6 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ khi phát sinh.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.8 Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Quỹ đầu tư phát triển
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và nợ vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Tiền mặt	179.793.000	185.793.000
Tiền gửi ngân hàng	56.416.934.084	80.227.448.897
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	<u>64.596.727.084</u>	<u>80.413.241.897</u>

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Chứng chỉ tiền gửi	10.570.000.000.000	6.670.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>10.570.000.000.000</u>	<u>6.670.000.000.000</u>

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bên thứ ba	17.740.807.833	17.740.807.833
TỔNG CỘNG	<u>17.740.807.833</u>	<u>17.740.807.833</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(17.740.807.833)	(17.740.807.833)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>-</u>	<u>-</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bên thứ ba	-	77.500.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>77.500.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	13.651.600.000	11.553.997.152
Ký quỹ	460.504.666	460.504.666
Tạm ứng nhân viên	731.798.134	738.126.214
	14.843.902.800	12.752.628.032
Dài hạn		
Ký quỹ	10.000.000	10.000.000
TỔNG CỘNG	14.853.902.800	12.762.628.032
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)</i>	<i>70.000.000</i>	<i>70.000.000</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>14.783.902.800</i>	<i>12.692.628.032</i>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	VNĐ Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công cụ, dụng cụ	36.472.814	-	(1.963.500)	34.509.314
Phí dịch vụ khác	553.750.049	198.129.102	(477.711.529)	274.167.622
TỔNG CỘNG	590.222.863	198.129.102	(479.675.029)	308.676.936

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	VNĐ Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công cụ, dụng cụ	176.937.010	41.552.000	(41.933.902)	176.555.108
Khác	672.217	-	(183.336)	488.881
TỔNG CỘNG	177.609.227	41.552.000	(42.117.238)	177.043.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ			
	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	13.154.981.362	591.202.358	192.390.500	13.938.574.220
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	13.154.981.362	591.202.358	192.390.500	13.938.574.220
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	644.151.180	465.805.358	-	1.109.956.538
Giá trị hao mòn				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.691.495.203)	(552.453.336)	(148.612.860)	(3.392.561.399)
Khấu hao trong kỳ	(625.541.508)	(7.837.314)	(19.239.048)	(652.617.870)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	(3.317.036.711)	(560.290.650)	(167.851.908)	(4.045.179.269)
Giá trị còn lại				
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	10.463.486.159	38.749.022	43.777.640	10.546.012.821
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	9.837.944.651	30.911.708	24.538.592	9.893.394.951

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VNĐ	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
Đầu tư vào công ty con (<i>Thuyết minh 12.1</i>)	4.601.330.644.264	4.601.330.644.264
TỔNG CỘNG	4.601.330.644.264	4.601.330.644.264

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2024</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u>	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp (%)	Giá trị đầu tư (VNĐ)
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	99,99	999.900.000.000	99,99	999.900.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	81,91	999.900.000.000	81,91	999.900.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	80,52	166.227.626.000	80,52	166.227.626.000
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	79,59	60.200.000.000	79,59	60.200.000.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	76,47	232.298.227.704	76,47	232.298.227.704
Công Ty Cổ Phần Thủy sản 584 Nha Trang	73,45	145.154.674.945	73,45	145.154.674.945
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	37,75	671.414.451.072	37,75	671.414.451.072
Công ty Cổ phần Bibica	98,30	1.226.235.664.543	98,30	1.226.235.664.543
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	28,57	100.000.000.000	28,57	100.000.000.000
TỔNG CỘNG		<u>4.601.330.644.264</u>		<u>4.601.330.644.264</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313041011 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Lô A1-9, đường VL3, KCN Vĩnh Lộc 2, xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần PAN Farm là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0107519768 do SKHĐT thành phố Hà Nội cấp ngày 28 tháng 7 năm 2016. Công ty có trụ sở chính tại tầng 15, tòa nhà ICON 4, 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 1100107301 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 12 tháng 7 năm 1995 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại số 81B Quốc lộ 62, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cà Phê Golden Beans là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0314681060 do UBND thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 10 năm 2017 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại 27 Lưu Văn Lang, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5503000010 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Công Ty Cổ Phần Thủy sản 584 Nha Trang là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4200636551 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 02 tháng 3 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại 1210 Lê Hồng Phong, P.Phước Long, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2200208753 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 09 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở tại Km2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thị xã Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Công Ty Cổ Phần Bibica là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600363970 do SKHĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh. Công ty có trụ sở chính tại 433 Lý Thường Kiệt, Phường 8, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam GCNĐKDN số 2200780985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 19 tháng 8 năm 2020. Công ty có trụ sở chính tại Lô B, KCN An Hiệp, huyện An Thành, tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bên thứ ba	271.099.122	728.839.606
TỔNG CỘNG	271.099.122	728.839.606

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế Giá trị gia tăng	-	64.834.623	(64.834.532)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.239.036.052)	-	-	(3.239.036.052)
Thuế thu nhập cá nhân	382.680.681	2.048.994.937	(2.349.199.577)	82.476.041
Khác	-	13.643.366	(5.000.000)	8.643.366
TỔNG CỘNG	(2.856.355.371)	2.127.472.926	(2.419.034.109)	(3.147.916.554)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải nộp</i>	<i>382.680.681</i>			<i>91.119.498</i>
<i>Trả trước</i>	<i>(3.239.036.052)</i>			<i>(3.239.036.052)</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lãi vay	9.647.407.395	2.680.520.548
Chi phí khác	2.096.118.301	2.331.242.000
TỔNG CỘNG	<u>11.743.525.696</u>	<u>5.011.762.548</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp và kinh phí công đoàn	92.780.076	92.780.076
Lãi vay (Thuyết minh số 24)	95.623.329.336	100.815.984.032
Cổ tức	104.478.370.000	-
Khác	7.449.497.583	5.561.492.583
TỔNG CỘNG	<u>207.643.976.995</u>	<u>106.470.256.691</u>

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Vay ngắn hạn ngân hàng	9.586.200.000.000	6.000.000.000.000
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 24)	2.337.840.000.000	2.166.464.657.534
TỔNG CỘNG	<u>11.924.040.000.000</u>	<u>8.166.464.657.534</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tính hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.163.585.800.000	904.770.143.351	(167.828.836.328)	11.513.798.268	63.629.870.136	2.975.670.775.427
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	129.410.682.066	129.410.682.066
Giảm cổ phiếu quỹ	(640.000.000)	-	640.000.000	-	-	-
Trích thù lao HĐQT, BKS	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	188.040.552.202	3.100.081.457.493
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024						
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	220.655.941.529	3.132.696.846.820
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	55.608.244.428	55.608.244.428
Chia cổ tức	-	-	-	-	(104.447.375.000)	(104.447.375.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2024	2.162.945.800.000	904.770.143.351	(167.188.836.328)	11.513.798.268	166.816.810.957	3.078.857.716.248

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Vốn cổ phần đã phát hành		
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	2.162.945.800.000	2.163.585.800.000
Giảm trong kỳ	-	(640.000.000)
TỔNG CỘNG	2.162.945.800.000	2.162.945.800.000
Cổ tức		
Cổ tức trả bằng tiền	104.447.375.000	-
Cổ tức đã công bố và chưa chi trả	104.447.375.000	-

18.3 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
	Số cổ phần	Số cổ phần
Cổ phiếu đã được duyệt	216.294.580	216.294.580
Cổ phiếu đã phát hành		
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>		
- Cổ phiếu phổ thông	216.294.580	216.294.580
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
- Cổ phiếu phổ thông	(7.399.830)	(7.399.830)
Cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	208.894.750	208.894.750

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Thu nhập từ cổ tức	99.520.701.000	185.922.316.300
Lãi tiền gửi, cho vay	99.433.828.697	143.073.909.961
Lãi chuyển nhượng giấy tờ có giá	28.000.535.448	5.875.629.364
TỔNG CỘNG	226.955.065.145	334.871.855.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí lãi vay	151.483.639.951	170.923.073.739
Chi phí phát hành trái phiếu	-	10.114.563.458
Lỗ chênh lệch tỷ giá	120.000.000	7.881.700.823
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	(3.638.821.076)	1.218.959.728
Khác	7.865.575.959	104.846.113
TỔNG CỘNG	<u>155.830.394.834</u>	<u>190.243.143.861</u>

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.752.290.430	8.931.604.886
Chi phí cho nhân viên	6.034.536.014	5.409.881.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định (<i>Thuyết minh số 11</i>)	652.617.870	727.084.749
Chi phí khác	78.742.116	72.227.700
TỔNG CỘNG	<u>15.518.186.430</u>	<u>15.140.799.270</u>

22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.752.290.430	8.931.604.886
Chi phí cho nhân viên	6.034.536.014	5.409.881.935
Chi phí khấu hao tài sản cố định (<i>Thuyết minh số 11</i>)	652.617.870	727.084.749
Chi phí khác	78.742.116	72.227.700
TỔNG CỘNG	<u>15.518.186.430</u>	<u>15.140.799.270</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>
		VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	55.608.244.428	129.410.682.066
Điều chỉnh tăng lợi nhuận chịu thuế	21.279.194.790	666.139.524
Điều chỉnh giảm lợi nhuận chịu thuế	(99.520.701.000)	(185.922.316.300)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	(22.633.261.782)	(55.845.494.710)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	(3.239.036.052)	(3.239.036.052)
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	-	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	-
Thuế TNDN trả trước cuối kỳ	(3.239.036.052)	(3.239.036.052)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Pan Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty con
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Công ty con
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty con
Công ty Cổ phần Cà phê Golden Beans	Công ty con
Công ty Cổ phần PAN-HULIC	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Một thành viên Bibica Miền Tây	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Coco Food Việt Nam	Công ty có liên quan tới lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Huro	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty TNHH Bất động sản Sài Gòn Đan Linh	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Cổ đông lớn, Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT/ Trưởng ban Ủy ban kiểm toán
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban kiểm toán
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VNĐ	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	Lãi tiền gửi	54.502.131	1.506.383.148
	Phí dịch vụ	7.719.544.677	75.251.702
	Lãi chuyển nhượng giấy tờ có giá	27.184.688.615	5.875.629.364
	Lỗ chuyển nhượng giấy tờ có giá	2.630.000	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Hoàn gốc vay	227.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay	20.467.143.017	17.313.319.462
	Trả lãi vay	8.247.315.068	-
	Cổ tức	-	89.991.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Hoàn gốc vay	200.000.000.000	40.000.000.000
	Chi phí lãi vay	3.786.301.368	679.520.547
	Trả lãi vay	8.542.465.753	-
	Gốc cho vay	-	40.000.000.000
	Lãi cho vay	-	35.068.493
	Chi hộ	-	111.726.374
Công ty Cổ phần Bibica Miền Tây	Chi phí lãi vay	4.635.616.437	-
	Phí dịch vụ	66.000.000	66.000.000
	Gốc đi vay	100.000.000.000	-
	Hoàn gốc vay	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần PAN Farm	Lãi cho vay	-	7.216.438.353
	Chi phí lãi vay	9.768.476.376	526.197.617
	Trả lãi vay	16.310.548.057	-
	Gốc đi vay	720.000.000.000	107.503.835.616
	Hoàn gốc vay	311.624.657.534	-
	Thu hồi gốc cho vay	-	159.200.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An	Cổ tức	17.788.261.500	17.788.261.500
	Lãi cho vay	-	142.150.685
	Chi hộ	-	111.726.374
Công ty cổ phần thực phẩm Khang An	Chi hộ	-	121.701.174
	Cổ tức	12.000.000.000	7.000.000.000
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang	Cổ tức	2.351.025.500	3.761.640.800
Công ty cổ phần Cà phê Golden Beans	Mua hàng hóa	6.669.990	15.043.248
Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta	Cổ tức	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Bến Tre	Cổ tức	18.012.058.000	18.012.058.000
	Chi hộ	-	122.789.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VNĐ	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023
Công ty TNHH Tư vấn NDH	Phí dịch vụ	356.400.000	148.500.000
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	Mua hàng hóa	1.754.225.723	2.069.036.714
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam	Chi phí lãi vay	12.741.069.465	-
	Trả lãi vay	15.337.507.825	-
Công ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh	Phí dịch vụ	96.641.466	-
	Phí dịch vụ	16.200.000	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Sinh Học Huro			
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Chi phí lãi vay	2.493.150.684	-
	Trả lãi vay	2.967.123.287	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giống cây trồng Việt Nam – Chi nhánh Ba Vì	Mua hàng hóa	-	4.635.000
Công ty Cổ phần PAN – Hulic	Gốc vay	-	14.000.000.000
	Lãi vay	-	12.273.973
Công ty TNHH Hải Yến	Phí dịch vụ	-	8.270.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	VNĐ	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải thu khác			
Công ty TNHH BĐS Sài Gòn Đan Linh	Đặt cọc thuê VP	70.000.000	70.000.000
		70.000.000	70.000.000
Phải trả về vay ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Gốc vay	892.840.000.000	1.119.840.000.000
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Gốc vay	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần PAN Farm	Gốc vay	535.000.000.000	126.624.657.534
Công ty TNHH MTV BIBICA Miền Tây	Gốc vay	170.000.000.000	170.000.000.000
Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Gốc vay	450.000.000.000	450.000.000.000
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Gốc vay	100.000.000.000	100.000.000.000
		2.147.840.000.000	2.166.464.657.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	Nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Phải trả khác			
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Lãi vay	85.026.069.064	72.806.241.115
Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Lãi vay	-	4.756.164.385
Công ty Cổ phần PAN Farm	Lãi vay	1.355.342.466	7.897.414.147
Công ty TNHH MTV BIBICA Miền Tây	Lãi vay	7.680.273.971	3.511.780.822
Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Lãi vay	-	9.808.767.125
Công ty Cổ phần Giống cây trồng miền Nam	Lãi vay	1.561.643.835	2.035.616.438
		95.623.329.336	100.815.984.032
Chi phí phải trả			
Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Lãi vay	7.212.328.765	-
Công ty TNHH Thương mại Coco Food	Mua hàng hóa	594.317.199	-
		7.806.645.964	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Chức vụ	Quý 2/ 2024	Quý 2/ 2023
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch/ Tổng Giám đốc	560.000.000	455.000.000
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban Kiểm toán	45.000.000	45.000.000
Ông Phạm Viết Muôn	Thành viên HĐQT/Trưởng ban Ủy ban Kiểm toán	45.000.000	45.000.000
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên HĐQT/ Thành viên Ủy ban Kiểm toán	45.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Duy Khánh	Thành viên HĐQT	45.000.000	45.000.000
Ông Bùi Xuân Tùng	Thành viên HĐQT	45.000.000	45.000.000
TỔNG CỘNG		845.000.000	740.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

26. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Dưới 1 năm	1.326.528.000	2.901.588.800
TỔNG CỘNG	1.326.528.000	2.901.588.800

27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

28. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ 2/2024 SO VỚI QUÝ 2/2023

Theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về công bố thông tin định kỳ và giải trình số liệu của tổ chức niêm yết. Công ty giải trình biến động kết quả kinh doanh như sau:

Kết quả kinh doanh quý 2 năm 2024, Công ty ghi nhận lãi trên BCTC riêng là 29,8 tỷ đồng. Công ty hoạt động theo mô hình tập đoàn, tại Công ty mẹ phát sinh các khoản chi phí chủ yếu là các chi phí quản lý, chi phí lãi vay phục vụ nhu cầu vốn lưu động và chi phí tài chính khác. Nguồn thu nhập chính của Công ty mẹ là từ cổ tức được chia từ các công ty con và các khoản doanh thu tài chính khác. Quý 2 năm 2024 kế hoạch chi trả cổ tức của các công ty con thay đổi so với cùng kỳ 2023.

Người lập biểu



Trần Thị Trang

Kế toán trưởng



Văn Thị Ngọc Ánh

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Trà My

Ngày 25 tháng 7 năm 2024